

nghị quyết của Hội thì bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến khai trừ. Trường hợp có gây thiệt hại về vật chất, ngoài hình thức kỷ luật còn phải bồi thường theo pháp luật.

Điều 19. Các tổ chức thành viên, cá nhân của Hội trong 1 năm không nộp hội phí hoặc không sinh hoạt 3 kỳ liên tiếp không có lý do, thì bị xóa tên trong danh sách hội viên.

Chương V TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 20. Hội phải tự túc kinh phí hoạt động, quỹ Hội dựa trên các nguồn thu nhập sau đây:

1. Hội phí và lệ phí nhập Hội của hội viên.
2. Tiền thu nhập hợp pháp về các hoạt động khoa học kỹ thuật, xuất bản, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, hợp đồng kinh tế, hợp tác với các cơ quan xí nghiệp trong nước, hợp tác với các tổ chức thú y và các tổ chức quốc tế khác.
3. Tiền ủng hộ của các cơ quan đoàn thể, các cá nhân trong nước, tiền ủng hộ của các tổ chức, các cá nhân nước ngoài, và các khoản thu khác.
4. Tiền hỗ trợ của Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam và Nhà nước.
5. Vốn góp cổ phần của hội viên và vốn vay Ngân hàng Nhà nước.

Điều 21. Nguyên tắc quản lý tài chính của Hội là công khai, chi thu đúng quy định, chế độ tài chính của Nhà nước và quy định chung của Trung ương Hội.

Việc dự toán và quyết toán tài chính của các cấp Hội do Đại hội đại biểu các cấp thông qua và cấp trên trực tiếp phê duyệt theo chế độ kế toán của Nhà nước.

Nguyên tắc quản lý và điều hành về tài chính của Hội là hạch toán hoạt động cân bằng thu chi và kiểm kê hàng năm.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 22. Điều lệ Hội Thú y Việt Nam gồm 6 Chương, 22 Điều, đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Hội Thú y Việt Nam ngày 10 tháng 4 năm 2003 nhất trí thông qua.

Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc mới có quyền sửa đổi Điều lệ Hội.

Điều lệ Hội Thú y Việt Nam có hiệu lực thi hành khi được Bộ Nội vụ phê duyệt./.

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nội vụ số 45/2003/QĐ-BNV ngày 07/8/2003 về việc phê duyệt bản Điều lệ (sửa đổi) của Hội Hữu nghị Việt Nam - Thụy Điển.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Thụy Điển và của Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản Điều lệ (sửa đổi) của Hội Hữu nghị Việt Nam - Thụy Điển đã được Đại

hội toàn quốc lần thứ II ngày 27 tháng 6 năm 2003 thông qua.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Thụy Điển, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thứ trưởng

ĐẶNG QUỐC TIẾN

hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học, kỹ thuật, giáo dục, văn hóa xã hội giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Thụy Điển.

Điều 3. Hội Hữu nghị Việt Nam - Thụy Điển có nhiệm vụ sau:

1. Góp phần tuyên truyền, giới thiệu với nhân dân Thụy Điển về Việt Nam, về đường lối, chính sách đối nội, đối ngoại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Tổ chức và phối hợp với các cơ quan nhà nước, các tổ chức nhân dân ở trong nước tiến hành các hoạt động nhằm phát triển quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Thụy Điển phù hợp với đường lối đối ngoại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Góp phần giới thiệu cho nhân dân Việt Nam hiểu biết về tình hình và đất nước, con người Thụy Điển.

4. Xây dựng và phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các tổ chức hữu nghị và các tổ chức xã hội khác của Thụy Điển thông qua các hoạt động trao đổi đoàn; trao đổi sách báo, phim ảnh và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật hai nước.

5. Hỗ trợ và thúc đẩy các quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học, công nghệ, giáo dục đào tạo, văn hóa, thể thao, du lịch v.v. giữa các tổ chức của Việt Nam với các đối tác của Thụy Điển.

ĐIỀU LỆ Hội Hữu nghị Việt Nam - Thụy Điển.

Chương I

TÔN CHỈ, MỤC ĐÍCH

Điều 1. Hội Hữu nghị Việt Nam - Thụy Điển là một tổ chức thành viên của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, hoạt động theo Điều lệ Hội, Điều lệ Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và tuân thủ luật pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hội hoạt động trên phạm vi cả nước, có trụ sở tại Hà Nội, có tài sản, tài khoản riêng, có tư cách pháp nhân và con dấu riêng.

Điều 2. Mục đích của Hội Hữu nghị Việt Nam - Thụy Điển là góp phần vào việc tăng cường và mở rộng quan hệ đoàn kết hữu nghị, sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Thụy Điển, làm cầu nối phát triển các quan hệ

Chương II

HỘI VIÊN - THÀNH VIÊN

Điều 4. Những tổ chức, công dân Việt Nam tán thành Điều lệ của Hội, tự nguyện xin gia nhập Hội và được Ban Thường vụ Hội đồng ý, sẽ được gia nhập Hội, các tổ chức sẽ trở thành các

tổ chức thành viên và các cá nhân sẽ trở thành hội viên của Hội.

Điều 5. Các tổ chức thành viên và hội viên có nhiệm vụ:

1. Chấp hành Điều lệ và thực hiện các nghị quyết của Hội; tích cực tham gia các hoạt động của Hội nhằm giữ gìn và phát triển tình hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân Thụy Điển.

2. Tuyên truyền rộng rãi về Hội trong nhân dân Việt Nam để thu hút hội viên mới và mở rộng phạm vi hoạt động của Hội.

3. Đóng hội phí theo quy định.

Điều 6. Các tổ chức thành viên và hội viên có quyền:

1. Ứng cử, đề cử và bầu cử vào các chức vụ lãnh đạo của Hội, thảo luận, góp ý kiến và biểu quyết các vấn đề trong các hội nghị về công tác của Hội.

2. Được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức, được Hội thăm hỏi, giúp đỡ khi khó khăn.

3. Được xin ra khỏi Hội.

Điều 7. Xóa tên và khai trừ hội viên:

1. Hội viên muốn ra khỏi Hội phải có thư thông báo với cấp có thẩm quyền của Hội để xóa tên trong danh sách hội viên.

2. Hội viên hoạt động trái với Điều lệ và nghị quyết của Hội sẽ bị xóa tên trong danh sách hội viên.

Chương III TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 8. Hội Hữu nghị Việt Nam - Thụy Điển tổ chức theo nguyên tắc dân chủ và hiệp thương

thống nhất. Lãnh đạo Hội được bầu thông qua hiệp thương dân chủ. Trường hợp đặc biệt không bầu được thì Ban chấp hành lâm thời của Hội sẽ được chỉ định, nhưng không quá thời hạn một nhiệm kỳ.

Điều 9. Cơ cấu tổ chức Hội gồm Hội Trung ương, các Hội ở địa phương tham gia làm hội thành viên của Hội Trung ương, các câu lạc bộ và các Chi hội trực thuộc Trung ương Hội.

Ở địa phương tùy theo yêu cầu và điều kiện cụ thể, nếu có nhu cầu lập Hội sẽ do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét và quyết định. Hội Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn Hội địa phương xây dựng Điều lệ, tổ chức và hoạt động Hội, đảm bảo tính thống nhất trong việc thực hiện đường lối đối ngoại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 10. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể. Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể họp 5 năm một lần, có nhiệm vụ thảo luận báo cáo của Ban chấp hành Trung ương Hội, thông qua các nghị quyết xem xét sửa đổi Điều lệ, bầu Ban Chấp hành Trung ương Hội và cử Ban Thư ký giúp việc cho Ban Chấp hành Trung ương Hội.

Ban Chấp hành Trung ương Hội là cơ quan lãnh đạo mọi hoạt động và công tác của Hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể.

1. Ban Chấp hành Trung ương Hội bao gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các ủy viên Thường vụ và các ủy viên Ban Chấp hành.

2. Ban Chấp hành Trung ương Hội quyết định các chủ trương, biện pháp thi hành những nghị quyết của Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể đề ra; chỉ đạo các tổ chức thành viên và hội viên hoạt động, tham gia vào các hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam. Ban Chấp hành Trung ương Hội họp một năm một lần.

3. Ban Thường vụ do Ban Chấp hành Trung ương Hội cử để chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn các định hướng hoạt động của Hội.

4. Ban Thư ký do Ban Thường vụ cử. Ban Thư ký có trách nhiệm:

1. Giúp Ban Thường vụ chuẩn bị nội dung các kỳ họp và triệu tập các kỳ họp.

2. Giúp Ban Thường vụ và Ban Chấp hành theo dõi, giúp đỡ các thành viên tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội nghị Trung ương Hội.

3. Quản lý tài sản, cơ sở vật chất, tài liệu và tài chính của Hội.

Trong các lĩnh vực cụ thể, Ban Thường vụ cử các ủy viên Ban Chấp hành phụ trách các chương trình công tác của Hội và thông qua Ban Chấp hành Trung ương Hội.

Điều 11. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội và ở các Hội thành viên sẽ do Đại hội quyết định, trong đó bao gồm cả Ban Thường vụ. Số ủy viên trong Ban Thường vụ không được quá 1/3 số ủy viên Ban Chấp hành.

Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương Hội là 5 năm và Ban Chấp hành Hội thành viên là 2 năm.

Điều 12. Chế độ phối hợp công tác trong nội bộ Hội:

1. Trung ương Hội phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ công tác với các Hội thành viên ở các địa phương.

2. Các Hội thành viên ở địa phương chủ động trong các hoạt động theo đúng Điều lệ Hội, không trái với nghị quyết của Trung ương Hội, hàng quý báo cáo công tác cho Trung ương Hội. Các Hội thành viên ở các địa phương phải phối hợp và chịu sự chỉ đạo của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị của địa phương mình.

Chương IV

TÀI SẢN VÀ TÀI CHÍNH

Điều 13. Tài chính của Hội được hình thành từ các nguồn:

1. Hỗ trợ của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

2. Hội phí do các tổ chức thành viên đóng góp (sẽ do Ban Chấp hành quy định hàng năm).

3. Các khoản tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Tài chính của Hội do Ban Thư ký của Hội chịu trách nhiệm quản lý theo nguyên tắc tập trung thống nhất và chi cho hoạt động của Hội theo quy chế của Ban Chấp hành Hội quy định.

Điều 15. Việc sử dụng tài sản, lập dự toán chi tiêu, chế độ báo cáo tài chính của Hội thực hiện theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

Chương V

THI HÀNH VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 16. Các tổ chức Hội, Hội thành viên và hội viên phải tuân thủ Điều lệ này trong mọi hoạt động.

Các Hội thành viên, hội viên có nhiều thành tích đóng góp trong các hoạt động của Hội sẽ được khen thưởng.

Điều 17. Điều lệ này được Đại hội đại biểu của Hội Hữu nghị Việt Nam - Thụy Điển thông qua ngày 27/6/2003 và chỉ có Đại hội toàn thể, hoặc Hội nghị đại biểu Trung ương Hội, hoặc Hội nghị Ban Chấp hành Hội mở rộng mới có quyền sửa đổi Điều lệ này.

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt./.